

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/DS-ST
Ngày: 23-6-2023
V/v Đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tuấn.

2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2022/TLST – DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B; sinh năm 1966;

Địa chỉ: số E ấp D, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B là ông Trần Văn C; sinh năm 1967. Địa chỉ: số H đường L, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2022. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Bích L; sinh năm 1981;

Địa chỉ: số B đường số A, khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 10 năm 2022 của ông **Nguyễn Văn B** và các bảng tự khai nội dung sự việc tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Trần Văn C** là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn B** trình bày: Vào ngày 30/6/2012 bà **Đặng Thị Bích L** có vay của ông **Nguyễn Văn B** số tiền 150.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, bà **L** cam kết sẽ hoàn trả cho ông **B** trong vòng 15 tháng, mỗi tháng 10.000.000đ, tuy nhiên bà **L** chỉ trả cho ông **B** được một thời gian, mỗi lần từ 500.000đ đến 3.000.000đ, tổng cộng được 50.000.000đ. Sau đó, ông **B** cũng đã nhiều lần yêu cầu **L** trả, nhưng cứ bị hẹn và thay đổi chỗ ở nên ông **B** không tìm được bà **L** để yêu cầu bà **L** trả nợ và kéo dài cho đến nay cũng không trả. Nay ông **B** tìm được nơi ở mới của bà **L** nên mới có đơn khởi kiện bà **L** tại Tòa án. Hiện nay ông là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn B** yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An giải quyết buộc bà **Đặng Thị Bích L** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn B** số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

* Bị đơn bà **Đặng Thị Bích L** vắng mặt tại phiên tòa không có bảng tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà **L** biết, Tòa án có thụ lý vụ án đòi lại tài sản theo đơn khởi kiện của ông **Nguyễn Văn B** theo quy định pháp luật, nhưng bà **Đặng Thị Bích L** không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc ông **Nguyễn Văn B** khởi kiện.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ để xác định bà **Đặng Thị Bích L** có vay và còn nợ lại ông **Nguyễn Văn B** số tiền gốc là 100.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn B**. Buộc bà **Đặng Thị Bích L** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn B** số tiền nợ gốc là 100.000.000đ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà **Đặng Thị Bích L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B thì bà Đặng Thị Bích L có vay và còn nợ lại ông B số tiền nợ gốc là 100.000.000đ đến nay chưa thanh toán. Do bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên vào ngày 13/10/2022 ông Nguyễn Văn B có đơn khởi kiện bà Đặng Thị Bích L tại Tòa án nhân dân làm phát sinh vụ án dân sự về đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đặng Thị Bích L có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về thời hiệu: Giữa ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Bích L đã xác lập hợp đồng vay tài sản vào năm 2012, thời hạn trả nợ là 15 tháng, đến ngày 13/10/2022 ông B khởi kiện buộc bà L trả tiền nợ gốc vay, không yêu cầu tiền lãi. Do đó, đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B là ông Trần Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bà Đặng Thị Bích L là bị đơn trong vụ án, sau khi Tòa án thụ lý vụ án có triệu tập họp lệ đến Tòa án tham gia tố tụng nhiều lần để Tòa án giải quyết vụ án mà bà L vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã lập biên bản không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Căn cứ vào giấy yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An được Công an phường G, thành phố T, tỉnh Long An xác nhận thì hiện nay bà Đặng Thị Bích L có sinh sống tại số B đường số A, khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Long An nhưng không có đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại địa chỉ trên. Như vậy, khi bà Đặng Thị Bích L ký kết hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn B có cung cấp nơi cư trú tại số E ấp C, xã H, thành phố T, tỉnh Long An, tuy nhiên bà Đặng Thị Bích L có thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho ông Nguyễn Văn B biết về nơi cư trú mới nhưng bà L không khai báo là cố tình giấu địa chỉ theo Điều 40 Bộ luật dân sự quy định về nơi cư trú của cá nhân, cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà L theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng

mặt đối với bà **Đặng Thị Bích L** là phù hợp với các điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

4.1: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông **Nguyễn Văn B** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xác định bà **Đặng Thị Bích L** có vay của ông **B** và yêu cầu bà **L** phải có nghĩa vụ trả cho ông **B** số tiền nợ gốc là 100.000.000đ. Xem xét yêu cầu của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn B**, thấy rằng: Ông **B** cung cấp một biên nhận vay tiền ngày 30/6/2012 và cho rằng chữ ký nhận trong giấy biên nhận vay tiền là của bà **L**, bà **L** cố tình né tránh không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào giấy biên nhận bắt đầu bằng “Biên nhận...”, kết thúc bằng “**Đặng Thị Bích L**”, xác định bà **L** có vay và còn nợ lại ông **B** số nợ gốc là 100.000.000đ.

Từ chứng cứ trên, có đủ căn cứ để xác định giữa ông **Nguyễn Văn B** với bà **Đặng Thị Bích L** đã xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản là tiền, bà **L** có vay của ông **B** số tiền 150.000.000đ vào ngày 30/6/2012, không thỏa thuận lãi suất, bà **L** cam kết sẽ hoàn trả cho ông **B** trong vòng 15 tháng, mỗi tháng 10.000.000đ, tuy nhiên bà **L** chỉ trả cho ông **B** được một thời gian, tổng cộng được 50.000.000đ, có làm giấy và có chữ ký xác nhận nợ của bà **L**. Sau khi đến hạn trả nợ cho đến nay, bà **L** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc.

Do bà **L** không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên ông **B** yêu cầu bà **L** phải thanh toán nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự. Thời điểm xác lập hợp đồng là vào năm 2012 nên áp dụng các quy định của chế định hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Do vậy, xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 471, 478 Bộ luật dân sự. Việc bà **L** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông **B** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng vay làm cho quyền lợi về tài sản của ông **B** bị thiệt hại theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, nên yêu cầu khởi kiện của ông **B** là có căn cứ chấp nhận, buộc bà **L** phải có nghĩa vụ trả cho ông **B** số tiền nợ gốc là 100.000.000đ.

4.2: Về cách thức trả nợ: Ông **Trần Văn C** là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn B** yêu cầu trả số tiền nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy: Bà **Đặng Thị Bích L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nếu kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **B**, được pháp luật bảo vệ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông **B**, Hội đồng xét xử xét chấp nhận theo yêu cầu của ông **B**, xét buộc bà **L** có nghĩa vụ trả số nợ gốc 100.000.000đ cho ông **B** ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[5] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông **Nguyễn Văn B** yêu cầu bà **Đặng Thị Bích L** có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc vay, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Đặng Thị Bích L** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ông **Nguyễn Văn B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Các điều 147, 266, 267, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 được sửa đổi bổ sung năm 2011.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn B** đối với bà **Đặng Thị Bích L**.

Buộc bà **Đặng Thị Bích L** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn B** số tiền nợ gốc vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà **Đặng Thị Bích L** phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Nguyễn Văn B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho ông **Nguyễn Văn B** tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001987 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Uyên Nguyễn Văn N

Nguyễn Thị Hồng L1

